

Số: 1819/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học
chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 311/TB-ĐHNH, ngày 31/03/2021 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 75 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN
ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1819 /QĐ-ĐHNH, ngày 03 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050609210103	Trần Kim Phương Anh	29/07/2003	HQ9-GE11			66	
2	050609211829	Trần Ngọc Tuấn Anh	24/03/2003	HQ9-GE04	4/6			
3	050608200017	Trần Ngọc Quỳnh Anh	24/08/2002	HQ8-GE12	4/6			
4	050608200004	Huỳnh Lan Anh	25/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
5	050611230046	Lê Nguyễn Trâm Anh	02/05/2005	HQ11-ACC04	4/6			
6	050608200280	Nguyễn Văn Duy	28/11/2002	HQ8-GE10	4/6			
7	050608200287	Lê Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	HQ8-GE02	4/6			
8	050609211900	Võ Lê Khánh Giang	20/05/2003	HQ9-GE20	4/6			
9	050609211904	Hồ Nguyễn Khánh Hà	19/09/2003	HQ9-GE14		6,0		
10	050609210400	Nguyễn Phúc Hậu	24/08/2003	HQ9-GE20			70	
11	050611230359	Nguyễn Thu Hiền	21/06/2005	HQ11-MAG05	4/6			
12	050609210408	Vũ Thúy Hiền	01/09/2003	HQ9-GE11	4/6			
13	050609210420	Trần La Trung Hiếu	12/03/2003	HQ9-GE21	4/6			
14	050609211945	Phan Thị Hoa	21/11/1998	HQ9-GE14	4/6			
15	050607190180	Nguyễn Ngọc Huynh	17/11/2000	HQ7-GE12	4/6			
16	050609210527	Trương Nguyễn Nhã Khanh	15/01/2003	HQ9-GE08	4/6			
17	050611230487	Trần Nguyễn Huy Khanh	23/06/2005	HQ11-MAG04	4/6			
18	030136200267	Đào Tuấn Khôi	06/04/2002	HQ8-GE04	4/6			
19	050609210594	Nguyễn Thị Oanh Kiều	19/06/2003	HQ9-GE22	4/6			
20	050609211999	Lê Vinh Lâm	01/02/2003	HQ9-GE22		5,5		
21	050608200427	Vũ Khánh Linh	03/09/2002	HQ8-GE17	4/6			
22	050608200416	Lê Ngọc Phương Linh	19/09/2002	HQ8-GE13	4/6			
23	050610220267	Lê Nguyễn Hà Linh	26/05/2004	HQ10-GE09	4/6			
24	050606180198	Cao Phát Lợi	25/02/1999	HQ6-GE08			74	
25	050610220286	Trịnh Đạt Lợi	05/09/2004	HQ10-GE16	4/6			
26	050608200091	Dương Văn Minh	13/09/2002	HQ8-GE17		5,5		
27	050608200449	Nguyễn Hồng Hải My	19/03/2002	HQ8-GE02	4/6			
28	050610220322	Lê Thúy Nga	23/08/2004	HQ10-GE30		6,0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050609210832	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	08/01/2003	HQ9-GE23		6,0		
30	050609210847	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/04/2003	HQ9-GE23		5,5		
31	050609212061	Tạ Nguyễn Kim	Ngân	16/02/2003	HQ9-GE08				805+300
32	050609210894	Nguyễn Bích	Ngọc	14/12/2003	HQ9-GE08	4/6			
33	050608200493	Nguyễn Thái Như	Ngọc	01/05/2002	HQ8-GE16			68	
34	050609212070	Nguyễn Hoài	Ngọc	27/04/2003	HQ9-GE10	4/6			
35	050609212072	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	08/12/2003	HQ9-GE16				820+300
36	050607190315	Đình Nhật	Nguyên	15/09/2001	HQ7-GE11	4/6			
37	050609212087	Đình Nguyễn Việt	Nhân	11/10/2003	HQ9-GE23		6,0		
38	050610221186	Phạm Uyển	Nhi	01/07/2004	HQ10-GE13	4/6			
39	050609211015	Đặng Trần Uyên	Nhi	07/01/2003	HQ9-GE16	4/6			
40	050607190352	Phạm Thị Lan	Nhi	01/06/2001	HQ7-GE08			67	
41	050609211003	Lê Hoàng Băng	Nhi	28/07/2003	HQ9-GE10		5,5		
42	050609212112	Lê Thị Quỳnh	Như	03/11/2003	HQ9-GE24		6,5		
43	050609211055	Phan Ngọc Uyên	Như	07/08/2003	HQ9-GE16				890+300
44	110302200020	Quách Tiểu	Phương	07/06/2002	HQ8-GE06			82	
45	050609212139	Đào Thị Thanh	Phương	08/05/2003	HQ9-GE06	4/6			
46	050606180311	Trần	Qui	30/06/2000	HQ6-GE04	4/6			
47	050609211304	Trần Thị Thúy	Thanh	09/12/2003	HQ9-GE25	4/6			
48	050611231156	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/05/2005	HQ11-BAF05			79	
49	050608200646	Đặng Phương	Thảo	25/09/2002	HQ8-GE10	4/6			
50	050608200655	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
51	050608200145	Bùi Thị Thanh	Thảo	09/08/2002	HQ8-GE03	4/6			
52	050609212197	Phạm Thị Ngọc	Thảo	20/07/2003	HQ9-GE26	4/6			
53	050609212217	Trần Thị Mỹ	Thoa	09/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
54	050608200669	Trần Thị Kim	Thoa	07/10/2002	HQ8-GE17	4/6			
55	050609212219	Huỳnh Ái	Thu	07/11/2003	HQ9-GE26	4/6			
56	050608200153	Nguyễn Minh	Thư	23/11/2002	HQ8-GE08	4/6			
57	050607190505	Lê Phạm Minh	Thư	18/12/2001	HQ7-GE17			78	
58	050609212235	Nguyễn Bảo Minh	Thư	15/09/2003	HQ9-GE26	4/6			
59	050609212224	Đỗ Thị Thu	Thủy	25/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
60	050609211457	Huỳnh Ngọc	Thủy	14/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
61	050608200165	Giang Thị Hương	Trà	01/11/2002	HQ8-GE13	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050608200169	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
63	050609211508	Lê Thị Ngọc	Trâm	14/10/2003	HQ9-GE27	4/6			
64	050609211560	Đặng Thị Thu	Trang	30/04/2003	HQ9-GE27	4/6			
65	050608200718	Lê Thùy	Trang	14/11/2002	HQ8-GE03	4/6			
66	050609211592	Phùng Văn	Trọng	31/03/2003	HQ9-GE27	4/6			
67	050609212293	Lê Huỳnh Nhã	Trúc	19/03/2003	HQ9-GE03	4/6			
68	030334180235	Phạm Phú	Tỷ	08/11/2000	HQ6-GE03	4/6			
69	050608200192	Trần Tố	Uyên	10/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
70	050608200753	Hồ Ngọc Bảo	Uyên	26/11/2002	HQ8-GE01	4/6			
71	050610220720	Nguyễn Thị Thúy	Vi	31/01/2004	HQ10-GE27		6,0		
72	050610221535	Nguyễn Thị Xuân	Việt	01/03/2004	HQ10-GE10		5,5		
73	050608200772	Đặng Thị Hà	Vy	13/01/2002	HQ8-GE01		6,0		
74	050607190684	Hà Thị Ngọc	Yến	12/05/2001	HQ7-GE16	4/6			
75	050609211797	Phạm Ngọc	Yến	11/11/2003	HQ9-GE08	4/6			

Tổng số: 75 sinh viên





STATE BANK OF VIETNAM
HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

No: 1819 /QĐ-ĐHNH

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, June 08th, 2025

DECISION

On Regarding the recognition of English proficiency meeting the graduation requirement for full-time undergraduate students of the Partially English-Taught Program (CLC) in May 2025

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Resolution No. 35/NQ-ĐHNH-HĐT (April 5, 2024) on the reorganization and renaming of several units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on organization and management of undergraduate training at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Announcement No. 311/TB-ĐHNH (March 31th, 2021) on the application of foreign language graduation requirements for full-time undergraduate high-quality programs

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of meeting the English proficiency graduation requirement according to the training program for 75 full-time undergraduate students of the Partially English-Taught High-Quality Program.

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.



Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR 

(Signed)

Nguyen Duc Trung



List of Full-Time Undergraduate Students of the Partially English-Taught Program (CLC) Recognized as Meeting the English Proficiency Graduation Requirement – May 2025 Intake

Issued together with Decision No. 1819 /QĐ-ĐHNH, dated 03 / 6 /2025 by the Rector of Banking University of Ho Chi Minh City

NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050609210103	Trần Kim Phuong Anh	29/07/2003	HQ9-GE11			66	
2	050609211829	Trần Ngọc Tuấn Anh	24/03/2003	HQ9-GE04	4/6			
3	050608200017	Trần Ngọc Quỳnh Anh	24/08/2002	HQ8-GE12	4/6			
4	050608200004	Huỳnh Lan Anh	25/10/2002	HQ8-GE19	4/6			
5	050611230046	Lê Nguyễn Trâm Anh	02/05/2005	HQ11-ACC04	4/6			
6	050608200280	Nguyễn Văn Duy	28/11/2002	HQ8-GE10	4/6			
7	050608200287	Lê Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	HQ8-GE02	4/6			
8	050609211900	Võ Lê Khánh Giang	20/05/2003	HQ9-GE20	4/6			
9	050609211904	Hồ Nguyễn Khánh Hà	19/09/2003	HQ9-GE14		6,0		
10	050609210400	Nguyễn Phúc Hậu	24/08/2003	HQ9-GE20			70	
11	050611230359	Nguyễn Thu Hiền	21/06/2005	HQ11-MAG05	4/6			
12	050609210408	Vũ Thúy Hiền	01/09/2003	HQ9-GE11	4/6			
13	050609210420	Trần La Trung Hiếu	12/03/2003	HQ9-GE21	4/6			
14	050609211945	Phan Thị Hoa	21/11/1998	HQ9-GE14	4/6			
15	050607190180	Nguyễn Ngọc Huỳnh	17/11/2000	HQ7-GE12	4/6			
16	050609210527	Trương Nguyễn Nhã Khanh	15/01/2003	HQ9-GE08	4/6			
17	050611230487	Trần Nguyễn Huy Khanh	23/06/2005	HQ11-MAG04	4/6			
18	030136200267	Đào Tuấn Khôi	06/04/2002	HQ8-GE04	4/6			
19	050609210594	Nguyễn Thị Oanh Kiều	19/06/2003	HQ9-GE22	4/6			
20	050609211999	Lê Vinh Lâm	01/02/2003	HQ9-GE22		5,5		
21	050608200427	Vũ Khánh Linh	03/09/2002	HQ8-GE17	4/6			
22	050608200416	Lê Ngọc Phương Linh	19/09/2002	HQ8-GE13	4/6			
23	050610220267	Lê Nguyễn Hà Linh	26/05/2004	HQ10-GE09	4/6			
24	050606180198	Cao Phát Lợi	25/02/1999	HQ6-GE08			74	
25	050610220286	Trịnh Đạt Lợi	05/09/2004	HQ10-GE16	4/6			
26	050608200091	Dương Văn Minh	13/09/2002	HQ8-GE17		5,5		
27	050608200449	Nguyễn Hồng Hải My	19/03/2002	HQ8-GE02	4/6			
28	050610220322	Lê Thúy Nga	23/08/2004	HQ10-GE30		6,0		

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050609210832	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	08/01/2003	HQ9-GE23		6,0		
30	050609210847	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/04/2003	HQ9-GE23		5,5		
31	050609212061	Tạ Nguyễn Kim	Ngân	16/02/2003	HQ9-GE08				805+300
32	050609210894	Nguyễn Bích	Ngọc	14/12/2003	HQ9-GE08	4/6			
33	050608200493	Nguyễn Thái Như	Ngọc	01/05/2002	HQ8-GE16			68	
34	050609212070	Nguyễn Hoài	Ngọc	27/04/2003	HQ9-GE10	4/6			
35	050609212072	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	08/12/2003	HQ9-GE16				820+300
36	050607190315	Đinh Nhật	Nguyên	15/09/2001	HQ7-GE11	4/6			
37	050609212087	Đinh Nguyễn Việt	Nhân	11/10/2003	HQ9-GE23		6,0		
38	050610221186	Phạm Uyển	Nhi	01/07/2004	HQ10-GE13	4/6			
39	050609211015	Đặng Trần Uyên	Nhi	07/01/2003	HQ9-GE16	4/6			
40	050607190352	Phạm Thị Lan	Nhi	01/06/2001	HQ7-GE08			67	
41	050609211003	Lê Hoàng Băng	Nhi	28/07/2003	HQ9-GE10		5,5		
42	050609212112	Lê Thị Quỳnh	Như	03/11/2003	HQ9-GE24		6,5		
43	050609211055	Phan Ngọc Uyên	Như	07/08/2003	HQ9-GE16				890+300
44	110302200020	Quách Tiểu	Phương	07/06/2002	HQ8-GE06			82	
45	050609212139	Đào Thị Thanh	Phương	08/05/2003	HQ9-GE06	4/6			
46	050606180311	Trần	Qui	30/06/2000	HQ6-GE04	4/6			
47	050609211304	Trần Thị Thúy	Thanh	09/12/2003	HQ9-GE25	4/6			
48	050611231156	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/05/2005	HQ11-BAF05			79	
49	050608200646	Đặng Phương	Thảo	25/09/2002	HQ8-GE10	4/6			
50	050608200655	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/2002	HQ8-GE15	4/6			
51	050608200145	Bùi Thị Thanh	Thảo	09/08/2002	HQ8-GE03	4/6			
52	050609212197	Phạm Thị Ngọc	Thảo	20/07/2003	HQ9-GE26	4/6			
53	050609212217	Trần Thị Mỹ	Thoa	09/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
54	050608200669	Trần Thị Kim	Thoa	07/10/2002	HQ8-GE17	4/6			
55	050609212219	Huỳnh Ái	Thu	07/11/2003	HQ9-GE26	4/6			
56	050608200153	Nguyễn Minh	Thư	23/11/2002	HQ8-GE08	4/6			
57	050607190505	Lê Phạm Minh	Thư	18/12/2001	HQ7-GE17			78	
58	050609212235	Nguyễn Bảo Minh	Thư	15/09/2003	HQ9-GE26	4/6			
59	050609212224	Đỗ Thị Thu	Thủy	25/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
60	050609211457	Huỳnh Ngọc	Thủy	14/03/2003	HQ9-GE26	4/6			
61	050608200165	Giang Thị Hương	Trà	01/11/2002	HQ8-GE13	4/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERTIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050608200169	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
63	050609211508	Lê Thị Ngọc	Trâm	14/10/2003	HQ9-GE27	4/6			
64	050609211560	Đặng Thị Thu	Trang	30/04/2003	HQ9-GE27	4/6			
65	050608200718	Lê Thùy	Trang	14/11/2002	HQ8-GE03	4/6			
66	050609211592	Phùng Văn	Trọng	31/03/2003	HQ9-GE27	4/6			
67	050609212293	Lê Huỳnh Nhã	Trúc	19/03/2003	HQ9-GE03	4/6			
68	030334180235	Phạm Phú	Tỷ	08/11/2000	HQ6-GE03	4/6			
69	050608200192	Trần Tổ	Uyên	10/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
70	050608200753	Hồ Ngọc Bảo	Uyên	26/11/2002	HQ8-GE01	4/6			
71	050610220720	Nguyễn Thị Thúy	Vi	31/01/2004	HQ10-GE27		6,0		
72	050610221535	Nguyễn Thị Xuân	Việt	01/03/2004	HQ10-GE10		5,5		
73	050608200772	Đặng Thị Hà	Vy	13/01/2002	HQ8-GE01		6,0		
74	050607190684	Hà Thị Ngọc	Yến	12/05/2001	HQ7-GE16	4/6			
75	050609211797	Phạm Ngọc	Yến	11/11/2003	HQ9-GE08	4/6			

Total: 75 students

